

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-7-2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và chia tài sản khi ly hôn

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Sơn Mút
2. Ông Nguyễn Tuấn Kiệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2016 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1310/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** **Lại Thị C**, sinh năm: 1973

Địa chỉ thường trú: Tổ 03, ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 02, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Đào Ngọc H**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ 03, ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Đào Ngọc C**, sinh năm: 1945

Địa chỉ: Tổ 08, khóm 4, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 12 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Lại Thị C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Ngọc H do mai mối tiến tới hôn nhân có làm lễ cưới năm 1995 và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V (nay là phường V). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 06 năm gần đây không còn hạnh phúc, cả hai bất đồng quan điểm sống, anh H không lo cho gia đình, thường xuyên nhậu về cự cãi, chửi, đuổi chị ra khỏi nhà và đánh chị. Chị và anh H đã ly thân từ ngày 05/5/2016 âm lịch đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có ba con chung tên Đào Thanh P sinh năm 1996, Đào Thị Phương L sinh năm 1997 và Đào Thị Phương Q sinh ngày 21/02/2008. Hiện Thanh P và Phương L đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phương Q, từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Q sống chung với chị, cuộc sống ổn định. Chị làm thuê thu nhập ổn định mỗi tháng 3.600.000 đồng nên chị yêu cầu được nuôi cháu Q, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có các loại tài sản chung gồm:

- Phần đất thừa số 973, diện tích 1.080m<sup>2</sup>, loại đất lúa tủa lạc ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, theo định giá là 100.000 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền 108.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi, anh H trả cho chị 54.000.000 đồng, anh H được quyền sử dụng thừa đất 973.

- Đàn dê theo định giá gồm 14 con: 02 con lớn mỗi con 26kg, 09 con nhỏ mỗi con 15kg nhưng hiện nay đã chết 01 con, 03 con anh H đã bán được 3.600.000 đồng. Đối với 10 con dê còn lại chị yêu cầu chia đôi, chị nhận tiền anh H nhận hiện vật, giá dê hiện nay bao nhiêu thì chị không biết. Đối với 03 con dê đã bán chị yêu cầu anh H trả cho chị 1.800.000 đồng.

- Phần giá trị tài sản được bồi thường theo Quyết định số: 299/QĐ.UBND ngày 10/01/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh là 55.636.506 đồng, bao gồm:

+ Phần đất thuộc thửa 1232, diện tích 139,3m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm được bồi thường 4.875.500 đồng, đất do anh H đứng tên quyền sử dụng, nguồn gốc đất do cha chồng chị cho sau khi vợ chồng chị kết hôn.

+ Phần nhà giá trị 32.110.250 đồng và 4.575.620 đồng là do vợ chồng chị xây cất. Xây dựng năm 2009, nguồn tiền để xây nhà là vợ chồng chị mượn của mẹ ruột chị nhưng đã trả xong.

+ Phần nhà tắm 1.001.520 đồng là do vợ chồng chị xây cất.

+ Phần chuồng trại 1.760.616 đồng là do vợ chồng chị mượn tiền của cha chồng chị xây cất nhưng đã trả xong.

+ Đồng hồ điện được di dời 400.000 đồng do vợ chồng chị lắp.

+ Phần cây trồng gồm bưởi 300.000 đồng, măng cầu 48.000 đồng, cóc 100.000 đồng, hạnh 100.000 đồng, nhãn 400.000 đồng của vợ chồng chị trồng.

Số tiền được bồi thường 55.636.506 đồng anh H lãnh nhưng không giao tiền cho chị, anh H có nói đưa cho cha chồng chị là ông Đào Ngọc C mượn trả nợ. Chị yêu cầu anh H phải trả cho chị 27.818.253 đồng.

Ngoài ra không yêu cầu chia tài sản nào khác.

Về nợ chung: Chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Tờ trình ngày 16 tháng 3 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Đào Ngọc H trình bày:*

Về hôn nhân đúng như chị C trình bày, anh và chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V (nay là phường V) năm 2002. Thời gian gần đây anh và chị C có cự cãi và anh có đánh chị C, cả hai đã ly thân từ ngày 05/5/2016 âm lịch đến nay. Hiện anh và chị C không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 03 con chung đúng như chị C trình bày. Cháu Thanh P và cháu Phương L đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phương Q anh đồng ý để chị C được nuôi cháu Q nhưng anh không có tiền để cấp dưỡng nuôi con, anh làm có tiền được bao nhiêu thì cho con bấy nhiêu. Bản thân anh làm ruộng, nuôi dê để sống, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung:

Phần đất thửa số 973, diện tích 1.080m<sup>2</sup>, anh đồng ý chia nhưng chia hiện vật mỗi người 540m<sup>2</sup>, chia theo chiều dọc mỗi phần 7m ngang giáp kinh chạy dài. Anh không đồng ý chia tiền vì anh không có tiền để trả cho chị C.

Phần 10 con dê anh đề nghị chia hiện vật, không đồng ý chia tiền. Đối với 03 con dê anh đã bán được 3.600.000 đồng, anh đồng ý chia lại cho chị C 1.800.000 đồng.

Phần được Nhà nước bồi thường: đất được bồi thường 4.875.500 đồng là của cha anh; phần nhà là của cha anh cất cho vợ chồng anh ở, vợ chồng anh chỉ bỏ tiền ra làm nền nhà và nhà tắm là 8.000.000 đồng; phần nhà tắm 1.001.520 đồng của vợ chồng anh xây cất; phần chuồng để nuôi dê 1.760.616 đồng của cha anh bỏ tiền ra làm; đồng hồ điện của vợ chồng anh lắp; phần cây trồng có cây nhãn của cha anh trồng, ngoài ra các cây khác do anh trồng. Số tiền 55.636.506 đồng anh lãnh đưa lại cho cha anh. Anh không đồng ý giao trả cho chị C 27.818.253 đồng mà chỉ đồng ý giao trả 4.000.000 đồng phần nền nhà và 500.000 đồng tiền nhà tắm. Ngoài ra không đồng ý giao trả gì khác.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Ngọc C trình bày:*

Phần đất nền nhà thửa 1232 ông đã tách ra cho anh H cất nhà ở, thực chất là để cho ở có hộ khẩu chứ ông không cho đất. Do đó số tiền bồi thường đất là

của ông. Căn nhà, chuồng nuôi dê ông cũng bỏ tiền ra xây cất cho con ông, cây nhãn do ông trồng. Anh H, chị C chỉ bỏ tiền ra làm nền nhà và xây cất nhà tắm 8.000.000 đồng. Do tài sản của ông nên anh H lãnh tiền về đã đưa cho ông. Ngoài phần nền nhà và nhà tắm, ông yêu cầu Tòa án công nhận số tiền còn lại cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Lại Thị C giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Đào Ngọc H; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Phương Q, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, đối với cháu Thanh P và Phương L đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung yêu cầu chia phần đất thửa 973, diện tích đo đạc thực tế 1.090m<sup>2</sup>, anh H hoàn trả cho chị số tiền 54.500.000 đồng, anh H được quyền sử dụng đất; đối với 10 con dê còn sống chị rút yêu cầu, đối với 03 con dê đã bán yêu cầu anh H trả cho chị 1.800.000 đồng; đối với số tiền Nhà nước bồi thường chị yêu cầu anh H trả cho chị 27.818.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Anh Đào Ngọc H thống nhất ly hôn với chị C; về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Phương Q, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh đồng ý chia thửa 973 nhưng yêu cầu chia bằng hiện vật mỗi người 545m<sup>2</sup>, đối với 10 con dê chị C rút yêu cầu anh thống nhất, đối với 03 con dê đã bán anh đồng ý trả cho chị C 1.800.000 đồng; đối với số tiền Nhà nước bồi thường anh chỉ đồng ý trả cho chị C 4.500.000 đồng.

- Ông Đào Ngọc C không đồng ý theo yêu cầu của chị C, ông chỉ đồng ý trả cho anh H và chị C số tiền làm nền nhà và xây nhà tắm mỗi người 4.500.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị C là có cơ sở chấp nhận một phần.

Về hôn nhân: Chị C và anh H có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, đồng thời chị C và anh H thuận tình ly hôn thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 và tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy ghi nhận việc thuận tình ly hôn của chị C và anh H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Thị Phương Q, sinh ngày 21/02/2008 là có cơ sở chấp nhận, bởi cháu Q là cháu gái, từ lúc ly thân cháu đã sống với chị C và cháu cũng có nguyện vọng được sống với chị C, nên việc giao cháu Q cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Anh H được quyền tới lui thăm nom không ai được quyền cản trở. Đối với cháu Đào Thành P và cháu Đào Thị Phương L hiện đã trên 18 tuổi chị C và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng cháu Q 1.000.000 đồng/tháng đến tròn 18 tuổi là chỉ có cơ sở chấp nhận một phần, bởi xét về điều kiện và hoàn cảnh của anh H thì thu nhập không ổn định, chỉ làm ruộng và nuôi dê. Vì vậy, mức thu nhập của anh Hai không cao, do đó chỉ có cơ sở chỉ chấp nhận  $\frac{1}{2}$  tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định bằng 650.000 đồng để anh H cấp dưỡng nuôi cháu Q đến tròn 18 tuổi theo quy định tại Điều 82, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về tài sản chung: Yêu cầu của chị C là có sở chấp nhận một phần. Đối với thửa đất 973, đo đạc thực tế 1.090m<sup>2</sup>, đất tọa lạc ấp H, xã H, thị xã M chị C yêu cầu chia đôi và nhận giá trị thửa đất và không nhận đất là chỉ có cơ sở chấp nhận một phần, bởi xét thửa đất 973 là tài sản chung của chị C và anh H trong thời kỳ hôn nhân và tại Biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 anh H cũng đồng ý chia đôi nên thửa đất 973 là hợp lý. Việc chị C yêu cầu chia giá trị thửa đất và không đồng ý nhận đất là chưa có cơ sở chấp nhận. Bởi, xét thửa đất 973 đo đạc thực tế 1.090m<sup>2</sup> vẫn chia được theo hiện vật, đồng thời phía anh H cũng đồng ý chia theo hiện vật là mỗi người 545m<sup>2</sup> mỗi phần dài 7m ngang giáp kinh chạy dài. Vì vậy, cần chia theo hiện vật mà không chia theo giá trị cho chị C là hợp lý.

Đối với yêu cầu chia đôi số tiền 55.636.506 được bồi thường theo Quyết định số 299/QĐ.UBND ngày 10/01/2011 của Ủy ban nhân dân huyện M là có cơ sở chấp nhận. Bởi, xét thửa đất 1232 có căn nhà và tài sản trên đất, trước khi Nhà nước bồi thường là tài sản chung của vợ chồng chị C, anh H, nguồn gốc thửa đất này là do ông Đào Ngọc C chuyển nhượng cho vợ chồng chị C, anh H ngày 09/11/2005 là hợp pháp. Ngày 20/3/2006 anh H được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 1232, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 14/4/2011 anh H đứng ra nhận tiền bồi thường thửa đất 1232 và tài sản trên đất. Xét thấy, đây là số tiền bồi thường của tài sản chung anh H và chị C. Vì vậy cần chia đôi mỗi người

là 27.818.253 đồng là phù hợp. Đối với ý kiến của anh H và ông C cho rằng thửa đất là của ông C và số tiền bồi thường là của ông C là chưa phù hợp. Bởi xét thửa đất 1232 khi Nhà nước bồi thường là không thuộc quyền sở hữu của ông C vì ngày 09/11/2005 ông C đã chiết thửa 106 thành thửa 1232 (hình thức chuyển nhượng cho con) cho nên khi Nhà nước bồi thường thì phần đất thửa 1232 là tài sản chung của vợ chồng anh H vì vậy cần buộc ông C trả lại tiền bồi thường cho chị C, anh H đề chia đôi là hợp lý theo quy định tại Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Đối với số lượng đàn dê 10 con hiện còn sống tại chuồng, do tại phiên tòa chị C rút yêu cầu, anh H cũng đồng ý nên không đặt ra xem xét, phần 03 con dê đã bán được 3.600.000 đồng anh H đồng ý chia đôi mỗi người là 1.800.000 đồng, việc thỏa thuận không trái pháp luật. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận này.

Áp dụng Điều 33, 55, 58, 59, 81, 82, 62, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị C theo phân tích trên.

Chị C chịu án hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng, án phí phần tài sản được chia và ½ chi phí khảo sát đo đạc.

Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng 200.000 đồng, án phí phần tài sản được chia và ½ chi phí khảo sát đo đạc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị C và anh Đào Ngọc H có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1995 và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01 ngày 17/01/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V (nay là phường V) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu đời sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Giữa chị C và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2016 (âm lịch) đến nay. Như vậy, chị C và anh H đã có thời gian dài sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, hai bên không có khả năng đoàn tụ, anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh H.

[2] Về con chung: Giữa chị C và anh H có ba con chung, trong đó cháu Đào Thanh P và cháu Đào Thị Phương L đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đào Thị Phương Q, sinh ngày 21/02/2008 có nguyện vọng được sống với chị C, từ khi chị C và anh H ly thân đến nay cháu Q cũng sống với chị C, cuộc sống ổn định, cháu Q lại là cháu gái cần phải được mẹ chăm sóc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, không chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Q cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Q mà không ai được cản trở theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu Q định kỳ hàng tháng 1.000.000 đồng, anh H không đồng ý vì cho rằng không có khả năng để cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, tuy nhiên anh H chỉ làm rẫy và làm thuê, thu nhập không ổn định nên việc chị C yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho cháu Q hàng tháng 1.000.000 đồng là vượt quá khả năng của anh H. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị C, buộc anh H cấp dưỡng cho cháu Q định kỳ hàng tháng bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số: 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ là 650.000 đồng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung:

Đối với thửa đất số 973, diện tích đo đạc thực tế theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã M là 1.090m<sup>2</sup> loại đất lúa tọa lạc ấp H, xã H, thị xã M, đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, chị C và anh H đều thống nhất thửa đất là tài sản chung nên được chia đôi theo khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Phần đất có chiều ngang giáp Kinh Thủy Lợi dài 13,13m nên có thể chia bằng hiện vật. Do đó, việc chị C yêu cầu được nhận giá trị là không có căn cứ chấp



nhận, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, chia cho chị C được hưởng 544,6m<sup>2</sup>, chia cho anh H được hưởng 545,3m<sup>2</sup>.

Đối với đàn dê trong đó có 02 con dê lớn theo định giá mỗi con 26kg, 08 con dê nhỏ theo định giá mỗi con 15kg, chị C và anh H thống nhất đây là tài sản chung nên được chia đôi. Tại phiên tòa, chị C tự nguyện rút yêu cầu đối với 10 con dê này, anh H cũng thống nhất nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị C theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với 03 con dê anh H đã bán được 3.600.000 đồng, anh H cũng đồng ý hoàn trả cho chị C số tiền 1.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh H.

Đối với phần tài sản được Nhà nước bồi thường theo Quyết định số 299/QĐ.UBND ngày 01/01/2011 của Ủy ban nhân dân huyện M với số tiền 55.636.506 đồng. Phần đất thuộc thửa 1232 anh H được ông Đào Ngọc C tặng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 413546 ngày 20/3/2006, thửa đất này được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng theo khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các loại tài sản khác gồm nhà, nhà tắm, chuồng trại, đồng hồ điện, cây trồng lâu năm, giá trị hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ, liền kề đất thổ cư với tổng số tiền là 55.636.506 đồng theo Quyết định số 299/QĐ.UBND là bồi thường cho hộ Đào Ngọc H. Khi kê khai tài sản và có Quyết định phê duyệt bồi thường ông C đều biết nhưng không ngăn cản, không tranh chấp, ông C cũng cho rằng xây cất nhà cho con ông ở, làm chuồng trại cho con ông làm kinh tế, nếu vợ chồng con ông không ly hôn thì ông vẫn cho con ông nên mặc nhiên là đã tặng cho vợ chồng anh H. Do đó, số tiền 55.636.506 đồng là tài sản chung của chị C và anh H trong thời kỳ hôn nhân, ông C cho rằng đây là tài sản của ông C là không có căn cứ. Anh H nhận tiền về đưa cho ông C giữ nên anh H phải tự chịu trách nhiệm, buộc anh H phải hoàn trả cho chị C số tiền 27.818.253 đồng, làm tròn để thi hành án là 27.818.000 đồng. Phần của anh H do không yêu cầu ông C phải trả số tiền 27.818.253 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, dành cho anh H một vụ kiện khác đòi ông C trả số tiền 27.818.000 đồng mà anh H đã trả cho chị C nếu có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh H không yêu cầu giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản: 2.366.000 đồng. Do chia tài sản chung mỗi bên được hưởng nên buộc chị C và anh H mỗi người phải chịu 1.183.000 đồng theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị C đã nộp tạm ứng trước nên được khấu trừ và buộc anh H phải nộp 1.183.000 đồng để hoàn trả cho chị C.

[7] Về án phí: Buộc chị C phải chịu án phí ly hôn 200.000 đồng, buộc anh H phải chịu án phí cấp dưỡng 200.000 đồng.

Buộc chị C và anh H phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia, chị C phải chịu:  $84.078.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.203.900 \text{ đồng}$ , anh H phải chịu  $56.330.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.816.500 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 33, 53, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 8, 9, 10, Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị C và anh Đào Ngọc H.

#### **Về con chung:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị C.

Giao cháu Đào Thị Phương Q, sinh ngày 21/02/2008 cho chị Lại Thị C được trực tiếp nuôi. Buộc anh Đào Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đào Thị Phương Q định kỳ hàng tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đến khi cháu Phương Q đủ 18 tuổi.

Anh Đào Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đào Thị Phương Q mà không ai được cản trở.

Cháu Đào Thanh P và cháu Đào Thị Phương L đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

### **Về tài sản chung:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị C.

Chia cho chị Lại Thị C được quyền sử dụng phần đất diện tích 544,6m<sup>2</sup> (chiết thửa 973-2) thuộc một phần thửa 973, loại đất LUC tọa lạc ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất gồm các mốc 2, 3, 10, 11, 2 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh và Bản đồ vị trí thửa đất.

Chia cho anh Đào Ngọc H được quyền sử dụng phần đất diện tích 545,3m<sup>2</sup> (chiết thửa 973-1) thuộc một phần thửa 973, loại đất LUC tọa lạc ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất gồm các mốc 1, 11, 10, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh và Bản đồ vị trí thửa đất.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Lại Thị C về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 con dê lớn theo định giá mỗi con 26kg, 08 con dê nhỏ theo định giá mỗi con 15kg.

Đối với 03 con dê đã bán: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đào Ngọc H hoàn trả cho chị Lại Thị C số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền được Nhà nước bồi thường:

- Buộc anh Đào Ngọc H hoàn trả cho chị Lại Thị C số tiền 27.818.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

- Anh Đào Ngọc H không yêu cầu ông Đào Ngọc C phải trả số tiền 27.818.253 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi ba đồng) nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Dành cho anh Đào Ngọc H một vụ kiện khác đòi ông Đào Ngọc C trả số tiền 27.818.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) mà anh H đã trả cho chị Lại Thị C nếu có yêu cầu.

**Về nợ chung:** Chị Lại Thị C và anh Đào Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

**Về chi phí khảo sát, đo đạc định giá tài sản:** Buộc chị Lại Thị C và anh Đào Ngọc H mỗi người phải chịu 1.183.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng), chị Lại Thị C đã nộp tạm ứng trước nên được khấu trừ, buộc anh Đào Ngọc H phải nộp 1.183.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) để hoàn trả cho chị Lại Thị C.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Lại Thị C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 4.203.900 đồng (Bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn chín trăm đồng) án phí chia tài sản chung. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008309 ngày 07/9/2016, 2.267.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008464 ngày 21/12/2016, 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008616 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị C còn phải nộp 1.636.400 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Buộc anh Đào Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và 2.816.500 đồng (Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) án phí chia tài sản chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX. Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX. Bình Minh: 01
- Đương sự: 03
- Lưu: 04

**Trần Quốc Huy**